TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HM** **THÀNH PHỐ HN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/05/2023
V/v: *"Tranh chấp Ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Dung

2. Bà Tạ Thị Thà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc - Thư ký tòa án nhân dân quận HM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HM xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2023/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1988

HKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường HVT, quận HM, thành phố HN.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Lâm Anh T , sinh năm 1962

HKTT: Tổ 5, phường HVT, quận HM, thành phố HN.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 23 phân trại số 1, Trại giam số 5 huyện YD, TH. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

Về tình cảm:

Chị Đỗ Thị N và anh Lâm Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường LĐH, quận HBT, thành phố HN vào ngày 06/08/2007. Khi kết hôn, hai anh chị chung sống tại tổ 5, phường HVT, quận HM, thành phố HN. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống tích cách không phù hợp, Năm 2015 anh Lâm Anh T bị bắt và chấp hành án phạt tù với mức án là 20 năm tù về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" tại trạm giam số 5, phân trại 1, đội 23 xã Yên Tâm, huyện YD, tỉnh TH thuộc tại trại giam số 5 Cục C10 Bộ Công an. Chị Đỗ Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Lâm Anh T.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị N và anh Lâm Anh T có 02 con chung là cháu Lâm Thanh T1, sinh ngày 11/08/2007 và cháu Lâm Tâm N1, sinh ngày 06/02/2015. Khi ly hôn, chị Đỗ Thị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung(động sản và bất động sản): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 13/4/2023 bị đơn anh Lâm Anh T trình bày:

Anh Lâm Anh T và chị Đỗ Thị N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường LĐH, quận HBT, thành phố HN vào ngày 06/08/2007. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Từ năm 2015 khi anh Lâm Anh T phải đi chấp hành án phạt tù dài hạn thì mới phát sinh mâu thuẫn, chị N không chờ được nên xin ly hôn với anh T. Quan điểm của anh T là không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lâm Anh T và chị Đỗ Thị N có 02 con chung là cháu Lâm Thanh T1, sinh ngày 11/08/2007 và cháu Lâm Tâm N1, sinh ngày 06/02/2015.

Hiện anh Lâm Anh T đang chấp hành án phạt, không thể nuôi con nên anh chấp nhận giao con chung là cháu Lâm Thanh T1, sinh ngày 11/08/2007 và cháu Lâm Tâm N1, sinh ngày 06/02/2015 cho chị N nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lâm Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Các khoản nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn anh Lâm Anh T.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị N và anh Lâm Anh T có 02 con chung là cháu Lâm Thanh T1, sinh ngày 11/08/2007 và cháu Lâm Tâm N1, sinh ngày 06/02/2015. Khi ly hôn, chị Đỗ Thị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 và cháu N1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung(động sản và bất động sản): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại điều 71,

điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Lâm Anh T hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam số 5 YD, TH thuộc Cục C10 Bộ Công an có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N. Chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Lâm Anh T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lâm Thanh T1, sinh ngày 11/08/2007 và cháu Lâm Tâm N1, sinh ngày 06/02/2015 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lâm Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Các khoản nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận HM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Lâm Anh T đang chấp hành án tại trạm giam số 5, Cục C10 Bộ Công an và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lâm Anh T.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Đỗ Thị N và anh Lâm Anh T kết hôn

trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại UBND phường LĐH, quận HBT, thành phố HN vào ngày 06/08/2007. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Tổ 5, phường HVT, quận HM, Thành phố HN. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống tích cách không phù hợp, Năm 2015 anh Lâm Anh T bị bắt và chấp hành án phạt tù với mức án là 20 năm tù về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" tại trạm giam số 5, phân trại 1 huyện YD, tỉnh TH thuộc tại trại giam số 5 Cục C10 Bộ Công An. Hội đồng xét xử nhận thấy việc anh Lâm Anh T đi chấp hành án 20 năm là quá dài dẫn đến không đảm bảo được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị N. Cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Lâm Anh T.

2.2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị N và anh Lâm Anh T có 02 con chung là cháu Lâm Thanh T1, sinh ngày 11/08/2007 và cháu Lâm Tâm N1, sinh ngày 06/02/2015. Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị Đỗ Thị N. Hiện nay chị Đỗ Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, anh Lâm Anh T hiện đang chấp hành án phạt tù nên không có khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Cháu Lâm Thanh T1 và cháu Lâm Tâm N1 đều có nguyện vọng ở với chị Đỗ Thị N. Hội đồng xét xử nhận thấy cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu Lâm Thanh T1 và cháu Lâm Tâm N1 nên áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung cho chị Đỗ Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Lâm Anh T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc cho đến khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực khác thay thế.

2.3. Về tài sản chung và nhà đất chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ,án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị N. Chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Lâm Anh T.

2. Về con chung*:* Giao 02 con chung là Lâm Thanh T1, sinh ngày 11/08/2007 và cháu Lâm Tâm N1, sinh ngày 06/02/2015 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lâm Thanh T1 và Lâm Tâm N1 đối với anh Lâm Anh T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc cho đến khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực khác thay thế.

Anh Lâm Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung là động sản và bất động sản*:* Không yêu cầu Tòa giải quyết

4. Về nợ chung**:** Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đỗ Thị N đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003300 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM. Chị Đỗ Thị N đã nộp đủ án phí.

Chị Đỗ Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lâm Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận
- TAND TP. HN;
- VKSND Q. HM;
- Chi cục THADS Q. HM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nhung